

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký;
2. Ông Hoàng Đình Cường.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Vũ Văn T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị Đ khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Vũ Đình C, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Vũ Hải Th, sinh ngày 24/6/2017. Chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải Th, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đình C, chị Đ và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 05/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Sau khi kết hôn, anh và chị Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Đ có quan hệ ngoại tình, không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Vũ Đình C, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Vũ Hải Th, sinh ngày 24/6/2017. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đình C và Hải Th, yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu Đình C và Hải Th đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Vũ Văn T đưa cháu Vũ Đình C đến Tòa án để lấy lời khai về nguyện vọng của cháu, nhưng anh T không đưa cháu C đến Tòa án theo giấy triệu tập, do đó Tòa án không lấy được lời khai về nguyện vọng của cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đ đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải Th để anh T nuôi dưỡng cháu Đình C, chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không có mặt mà không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Anh T cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham

gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt mà không có lý do, chị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và nghi kỵ lẫn nhau. Theo kết quả xác minh ngày 07/7/2023 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hà V cũng cho thấy, quá trình chung sống giữa chị Đ và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân Thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Đ được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Đ và anh T thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Vũ Đình C, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Vũ Hải Th, sinh ngày 24/6/2017. Cả chị Đ và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên cháu Hải Th còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, giao cháu Hải Th cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đình C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản: Chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Vũ Đình C, sinh ngày 28/01/2014 và cháu Vũ Hải Th, sinh ngày 24/6/2017 là con chung của chị Đ và anh T. Giao cháu Vũ Hải Th cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Đình C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Chị Đ và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Đ, anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002343 ngày 29/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đ, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương